

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2018

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Sỹ Lĩnh**

2. Bà **Thạch Thị Lan Nhung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Khắc Duy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **H.** Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện L, Lâm Đồng

2. *Bị đơn:* Anh **T.** Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện L, Lâm Đồng

Chỗ ở hiện nay: tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa, chị H có mặt, anh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị H trình bày:

Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau năm 2014, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T chơi bời, từ đó vợ chồng thường xuyên bất hòa. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay. Nay chị H yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị xác định chị và anh T có 01 con chung là Cháu N– sinh

ngày 27/02/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có.

Ngoài ra chị H không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai và đơn xin vắng mặt ngày 08/5/2018, bị đơn anh T trình bày:

Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã ly thân được hai năm. Nay, chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định có một 01 con chung như chị H trình bày. Hiện con đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có.

Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Ngoài ra, anh T không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng do anh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, giải quyết cho chị H và anh T được ly hôn. Giao con chung là Cháu N- sinh ngày 27/02/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh T xây dựng gia đình với nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị H làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cả hai không có biện pháp cải thiện tình cảm nên chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh T vắng mặt nhưng tại Biên bản lấy lời khai anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng tình cảm không cải thiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H và anh T được ly hôn là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh T có 01 con chung là Cháu N– sinh ngày 27/02/2015. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh T đồng ý. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, con chung vẫn do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Trẻ khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hơn nữa, Trẻ còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ nên để nhằm bảo đảm sự phát triển mọi mặt của Trẻ cần tiếp tục giao Trẻ cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H và anh T được ly hôn.

[2] Về con chung:

Giao con chung là Cháu N– sinh ngày 27/02/2015 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000368 ngày 26/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/5/2018). Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Kiên

